

Số: *66* /BC-UBND

Hưng Yên, ngày *22* tháng 5 năm 2014

BÁO CÁO

Về việc điều chỉnh mức thu học phí, lệ phí trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 21/4/2014;

Sau khi xem xét Tờ trình liên ngành số 533/TTr-LN ngày 23/4/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Tài chính về việc điều chỉnh mức thu các khoản thu trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy việc điều chỉnh mức thu học phí, lệ phí trong các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh như sau:

I. HỌC PHÍ

1. Các trường mầm non, các trường phổ thông

1.1. Hệ công lập

- Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học (các trường phổ thông học phí thu 9 tháng/năm học, các cơ sở giáo dục mầm non thu theo số tháng thực học);

- Thu theo mức thu khu vực thành phố gồm: Các trường mầm non, trường THCS đóng trên địa bàn các phường thuộc thành phố Hưng Yên, trường THPT Chuyên Hưng Yên và trường THPT Hưng Yên.

- Căn cứ điều chỉnh mức thu:

+ Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2011 tăng 18,58% so với năm 2010;

- + Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2012 tăng 9,21% so với năm 2011;
 - + Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với năm 2012.
- (Số liệu trên do Tổng Cục thống kê công bố hàng năm).

Chỉ số giá tiêu dùng năm 2013 so với năm 2010 (khi xây dựng mức thu tại Quyết định 05/2011/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của UBND tỉnh) tăng 34,39%. Vì vậy, mức thu (01 tháng/01 học sinh) điều chỉnh theo mức tăng 34,39% chỉ số giá tiêu dùng như sau:

Các trường	Mức thu cũ theo QĐ số 05/2011/QĐ-UBND (đồng)		Mức thu mới sau khi điều chỉnh do chỉ số giá tiêu dùng tăng (đồng)	
	Khu vực nông thôn	Khu vực thành phố	Khu vực nông thôn	Khu vực thành phố
- Nhà trẻ	50.000	65.000	67.195	87.354
- Mẫu giáo	40.000	55.000	53.756	73.915
- Trung học cơ sở (C2)	35.000	45.000	47.037	60.476
- Trung học phổ thông (C3)	45.000	55.000	60.476	73.915
- Bỏ túc trung học phổ thông	55.000	65.000	73.915	87.354

Để phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương, đảm bảo an sinh xã hội, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê chuẩn mức thu học phí (01 tháng/01 học sinh) tăng thêm là 20% so với mức cũ như sau:

Các trường	Nông thôn (đồng)	Thành phố (đồng)
- Nhà trẻ	60.000	78.000
- Mẫu giáo	48.000	66.000
- Trung học cơ sở	42.000	54.000
- Trung học phổ thông	54.000	66.000
- Bỏ túc trung học phổ thông	66.000	78.000

Ước tính học phí thu được năm học 2014-2015 theo mức thu tại Quyết định 05/QĐ-UBND là 58.664 triệu đồng, nếu thu theo mức mới được 70.397 triệu đồng, số học phí thu tăng là 11.733 triệu đồng, số này được sử dụng như sau: 40% tương đương 4.693 triệu đồng dùng làm nguồn cải cách tiền lương; còn lại 60% tương đương 7.040 triệu đồng chi cho công tác thi, xét tốt nghiệp, tuyển sinh đầu cấp THCS (do mức chi tăng) và tăng cường cơ sở vật chất, hoạt động chuyên môn cho 361 trường mầm non, phổ thông.

1.2. Hệ ngoài công lập

Tự quyết định mức thu học phí, báo cáo cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, thông báo công khai mức thu học phí từng năm học và công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009.

2. Các trường trung cấp, cao đẳng chuyên nghiệp

2.1. Các cơ sở công lập: Cao đẳng bằng 0,8, trung cấp bằng 0,7 mức trần học phí quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Đơn vị: Nghìn đồng/tháng/sinh viên

Nhóm ngành	Năm học 2010 - 2011	Năm học 2011 - 2012	Năm học 2012 - 2013	Năm học 2013 - 2014	Năm học 2014 - 2015
1. Khoa học xã hội; kinh tế; luật; nông, lâm, thủy sản	290	355	420	485	550
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	310	395	480	565	650
3. Y, dược	340	455	570	685	800

Số tháng thu học phí: 10 tháng/năm học (thu hàng tháng, nếu học sinh, sinh viên tự nguyện có thể thu một lần cả học kỳ hoặc cả năm học).

2.2. Các cơ sở ngoài công lập: Tự quyết định mức thu học phí, thông báo công khai mức thu từng năm học và dự kiến cả khoá học, thực hiện quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009.

3. Mức thu đối với các trường trung cấp, cao đẳng nghề

3.1. Các cơ sở công lập: Áp dụng theo mức thu trần học phí tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Đơn vị: Nghìn đồng/tháng/học sinh, sinh viên

Nhóm nghề	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	TCN	CĐN	TCN	CĐN	TCN	CĐN	TCN	CĐN	TCN	CĐN
1. Nhân văn: Khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý; dịch vụ xã hội	220	240	230	250	250	270	260	290	280	300
2. Nông, lâm nghiệp, thủy sản	250	290	270	310	280	330	300	350	310	360
3. Thú y	340	370	360	400	390	420	410	440	430	470
4. Khoa học sự sống; sản xuất và chế biến	350	380	370	410	390	430	420	460	440	480
5. Máy tính và công nghệ thông tin; công nghệ kỹ thuật	400	440	430	470	450	500	480	530	510	560
6. Dịch vụ vận tải	480	530	510	560	540	600	570	630	600	670

Số tháng thu học phí: 10 tháng/năm học (thu hàng tháng, nếu học sinh, sinh viên tự nguyện có thể thu một lần cả học kỳ hoặc cả năm học).

3.2. Các cơ sở ngoài công lập: Tự quyết định mức thu học phí, thông báo công khai mức thu từng năm học và dự kiến cả khoá học, thực hiện quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009.

3.3. Các trường sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên: Theo thỏa thuận với người học nghề.

II. LỆ PHÍ

- Nguyên tắc lấy thu bù chi (ngân sách nhà nước không hỗ trợ cho công tác tổ chức thi tuyển sinh và cấp chứng chỉ nghề phổ thông);

- Căn cứ điều chỉnh mức thu:

+ Theo Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định nội dung, mức chi công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia; thì mức chi cho các nội dung của công tác tổ chức thi đều tăng gấp 2 lần so với mức chi tại Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 23/5/2008 của UBND tỉnh về việc quy định nội dung mức chi công tác quản lý tài chính thực hiện ra đề, chấm thi, tổ chức các kỳ thi phổ thông của tỉnh năm 2008 (mức chi này là căn cứ xây dựng mức thu lệ phí tại Quyết định số 05/QĐ-UBND).

+ Trường THPT chuyên được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện tổ chức thi tuyển sinh riêng và thêm nội dung sơ tuyển trước khi tổ chức thi tuyển.

UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh phê chuẩn mức thu (01 học sinh/môn, 01 chứng chỉ) như sau:

Nội dung	Mức thu cũ theo QĐ số 05/2011/QĐ-UBND	Đề nghị mức thu mới
Lệ phí thi tuyển vào lớp 10 THPT	20.000	40.000
Lệ phí sơ tuyển và thi tuyển vào lớp 10 THPT chuyên	25.000	50.000
Lệ phí thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông	45.000	90.000
Lệ phí phúc khảo bài thi tuyển sinh vào 10	15.000	30.000

Ước tính lệ phí thi tuyển sinh năm 2014-2015 thu được theo mức cũ là 951 triệu đồng, thu theo mức mới được 1.902 triệu đồng, tăng 951 triệu đồng.

Ước tính lệ phí thi cấp chứng chỉ nghề năm 2014-2015 thu được theo mức cũ là 521 triệu đồng, thu theo mức mới được 1.042 triệu đồng, tăng 521 triệu đồng.

Việc quản lý thu chi sử dụng học phí, lệ phí giao cho liên ngành Tài chính, Giáo dục Đào tạo hướng dẫn thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo để Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT; CV: TH^K.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Quỳnh